

Số: 2753/QĐ-ĐHKT-PHVL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Thông tin tuyển sinh trình độ đại học năm 2025
của Phân hiệu Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh tại tỉnh Vĩnh Long
(Mã trường: KSV)

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC KINH TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1146/QĐ-TTg ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh thành Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 54/NQ-ĐHKT-HĐĐH ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng đại học Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh về Phương hướng tuyển sinh trình độ đại học năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 55/NQ-ĐHKT-HĐĐH ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng đại học Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Giám đốc Phân hiệu Vĩnh Long.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Thông tin tuyển sinh trình độ đại học năm 2025 của Phân hiệu Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh tại tỉnh Vĩnh Long (UEH Mekong), mã trường KSV.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc Phân hiệu Vĩnh Long, Trưởng các đơn vị, viên chức, người học liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, PHVL.

GIÁM ĐỐC

GS.TS. Sử Đình Thành

THÔNG TIN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NĂM 2025

(Hình thức đào tạo: Chính quy, Vừa làm vừa học)

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2753/QĐ-ĐHKT-PHVL ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Giám đốc Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo

Tên trường: Phân hiệu Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh tại tỉnh Vĩnh Long, gọi tắt là **UEH Mekong**.

Tên Tiếng Anh: University of Economics Ho Chi Minh City – Campus in Vinh Long.

2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: KSV

3. Địa chỉ các trụ sở

- Trụ sở chính: Số 1B, Nguyễn Trung Trực, Phường 8, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.
- Các cơ sở học tập và làm việc của Phân hiệu:
 - + Cơ sở số 1B, Nguyễn Trung Trực, Phường 8, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.
 - + Cơ sở xã Phước Hậu, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử

- Webiste: <https://vinhlong.ueh.edu.vn>.

5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh

- Điện thoại: 0270.3823.443
- Hotline: 0899.00.29.39

6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; Thông tin tuyển sinh

Đường link công khai quy chế tuyển sinh; Thông tin tuyển sinh của UEH: <https://tuyensinh.ueh.edu.vn/> hoặc <https://tuyensinhdaihoc.ueh.edu.vn/>.

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo (chương trình đào tạo; ngành đào tạo; đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất; quy mô đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm; kế hoạch tuyển sinh các ngành, hình thức, trình độ đào tạo ngành...)

Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo (chương trình đào tạo; ngành đào tạo; đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất; quy mô đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm; kế hoạch tuyển sinh các ngành, hình thức, trình độ đào tạo ngành: <https://ueh.edu.vn/ueh-mekong/quy-che-cong-khai/>.

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

1. Phạm vi tuyển sinh, đối tượng, điều kiện dự tuyển

1.1. Phạm vi tuyển sinh:

1.2.1 Tuyển sinh trong cả nước đối với các ngành/chương trình: Kinh doanh nông nghiệp, Thuế, Thương mại điện tử, Quản trị khách sạn, Luật kinh tế, Tiếng Anh thương mại, Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo, Robot và trí tuệ nhân tạo (hệ kỹ sư).

1.2.2 Các ngành khác: Tuyển sinh học sinh có hộ khẩu thường trú tại Đồng bằng sông Cửu Long (bao gồm: An Giang, Bạc Liêu, Bến Tre, Cà Mau, Cần Thơ, Đồng Tháp, Hậu Giang, Kiên Giang, Long An, Sóc Trăng, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long).

1.2.3 Các thí sinh nước ngoài

1.2. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

Theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) và của UEH, trong đó đối tượng, điều kiện theo từng phương thức của UEH Mekong như sau:

- **Đối tượng 1:** Xét tuyển thẳng đối tượng theo quy định của Bộ GDĐT.

- **Đối tượng 2:** Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài và có chứng chỉ quốc tế.

- **Đối tượng 3:** Xét tuyển thí sinh có điểm trung bình tổ hợp môn (theo quy định của UEH) đăng ký xét tuyển tính theo năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 từ 6.50 trở lên của chương trình THPT theo hình thức giáo dục chính quy và tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ GDĐT.

- **Đối tượng 4:** Xét tuyển thí sinh có kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP.HCM tổ chức đợt 1 hoặc đợt 2 năm 2025 và thí sinh có kết kỳ thi đánh giá đầu vào đại học (V-SAT) do trường Đại học Cần Thơ tổ chức năm 2025, tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ GDĐT.

- **Đối tượng 5:** Xét tuyển thí sinh tham gia kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025, trong đó có kết quả các môn thi theo tổ hợp xét tuyển của UEH, tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ GDĐT.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh

- Tuyển sinh năm 2025, Phân hiệu Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh tại tỉnh Vĩnh Long gọi tắt là UEH Mekong (**Mã KSV**) gồm có 05 phương thức tuyển sinh (áp dụng cho các chương trình Chương trình tiếng Việt):

TT	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển
1	301	Phương thức xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GDĐT
2	411	Phương thức xét tuyển thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài và có chứng chỉ quốc tế
3	200	Phương thức xét tuyển thí sinh có kết quả học tập Tốt
4	402, 417	Phương thức xét tuyển dựa trên kết quả thi đánh giá năng lực kết hợp với năng lực tiếng Anh
5	100	Phương thức xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 kết hợp với năng lực tiếng Anh

2.1. Phương thức xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GDĐT (Phương thức 301)

Phân hiệu Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh tại tỉnh Vĩnh Long xét tuyển thẳng các đối tượng theo quy định tại khoản 1; điểm a khoản 2; khoản 4 Điều 8 Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non hiện hành, cụ thể:

(Khoản 1) Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc: UEH Mekong căn cứ quy định hiện hành của Bộ GDĐT và nguyện vọng của thí sinh để xem xét, quyết định ngành, chuyên ngành, chương trình đào tạo tuyển thẳng.

(Điểm a Khoản 2) Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng: UEH Mekong căn cứ môn đoạt giải, quy định hiện hành của Bộ GDĐT và nguyện vọng của thí sinh để xem xét, quyết định ngành, chuyên ngành, chương trình đào tạo theo học.

(Khoản 4) UEH Mekong căn cứ kết quả học tập cấp THPT của thí sinh và yêu cầu của ngành, chuyên ngành, chương trình đào tạo để xem xét, quyết định nhận vào học những trường hợp quy định dưới đây:

a) Thí sinh là người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định, có khả năng theo học một số ngành, chuyên ngành, chương trình đào tạo nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường:

Điều kiện nộp hồ sơ xét tuyển thẳng vào UEH Mekong là:

- (1) Thí sinh được miễn thi tốt nghiệp THPT, và
- (2) Thí sinh có kết quả học tập được đánh giá mức Tốt (học lực xếp loại từ Giỏi trở lên) và kết quả rèn luyện được đánh giá mức Tốt (hạnh kiểm xếp loại Tốt) đối với các năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12.

UEH căn cứ tình trạng sức khỏe, yêu cầu của ngành, chuyên ngành, chương trình đào tạo và nguyện vọng của thí sinh để xem xét, quyết định nhận vào học tại UEH Mekong.

b) Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ:

Điều kiện nộp hồ sơ xét tuyển thẳng vào UEH Mekong là:

- Thí sinh có kết quả học tập được đánh giá mức Tốt (học lực xếp loại từ Giỏi trở lên) và kết quả rèn luyện được đánh giá mức Tốt (hạnh kiểm xếp loại Tốt) đối với các năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12.

- Thí sinh phải học bổ sung kiến thức 01 (một) năm học trước khi vào học chính thức. Chương trình bổ sung kiến thức do UEH quy định.

c) Thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ:

Điều kiện nộp hồ sơ xét tuyển thẳng vào UEH Mekong là:

- Thí sinh có kết quả học tập được đánh giá mức Tốt (học lực xếp loại từ Giỏi trở lên) và kết quả rèn luyện được đánh giá mức Tốt (hạnh kiểm xếp loại Tốt) đối với các năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12.

- Thí sinh phải học bổ sung kiến thức 01 (một) năm học trước khi vào học chính thức. Chương trình bổ sung kiến thức do UEH quy định.

d) Thí sinh là người nước ngoài (gọi tắt là thí sinh nước ngoài) tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của ngành, chuyên ngành, chương trình đào tạo do UEH quy định và phù hợp với quy định của Bộ GDĐT:

- Thí sinh nước ngoài theo diện tự túc: UEH căn cứ kết quả học tập của thí sinh, quy định hiện hành của Bộ GDĐT, năng lực ngôn ngữ và nguyện vọng của thí sinh để xem xét, quyết định ngành, chuyên ngành, chương trình đào tạo tuyển thẳng vào UEH Mekong.

- Thí sinh nước ngoài theo diện hiệp định: UEH thực hiện theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GDĐT học tại UEH Mekong.

2.2. Phương thức xét tuyển thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài và có chứng chỉ quốc tế (Phương thức 411)

UEH Mekong tuyển sinh theo các đối tượng sau:

A) Đối với thí sinh có quốc tịch Việt Nam, thuộc một trong các đối tượng:

1. Thí sinh có một trong các bằng tú tài/chứng chỉ quốc tế sau:

- Bằng tú tài quốc tế IB (International Baccalaureate) đạt từ 26 điểm trở lên;
- Chứng chỉ quốc tế của Trung tâm Khảo thí ĐH Cambridge, Anh (Cambridge International Examinations A-Level, UK; gọi tắt là chứng chỉ A-Level) đạt từ C đến A.
- Chứng chỉ BTEC (Business & Technical Education Council, Hội đồng Giáo dục Thương mại và Kỹ thuật Anh) Level 3 Extended Diploma đạt từ C đến A.

2. Thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài và có một trong các chứng chỉ sau:

- Chứng chỉ IELTS từ 6.0 trở lên.
- Chứng chỉ TOEFL iBT từ 73 điểm trở lên.
- Chứng chỉ SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ) mỗi phần thi từ 500 điểm trở lên.
- Chứng chỉ ACT (American College Testing) từ 20 điểm (thang điểm 36) trở lên.

B) Đối với thí sinh có quốc tịch khác quốc tịch Việt Nam (Lào, Campuchia, Thái Lan...) và tốt nghiệp THPT nước ngoài (gọi tắt thí sinh nước ngoài): UEH tuyển sinh theo quy định điểm d khoản 4 Điều 8 Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non hiện hành

Lưu ý chung: Thời hạn các chứng chỉ quốc tế còn hiệu lực tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển.

Điểm xét tuyển = Điểm tốt nghiệp THPT + Điểm ưu tiên Khu vực, Đối tượng

Trong đó:

- Điểm tốt nghiệp THPT (quy đổi, tối đa 30 điểm) = (Điểm tốt nghiệp THPT x 30)/thang điểm tốt nghiệp tương ứng + Điểm cộng (quy đổi)

- Điểm cộng: tối đa 5% theo thang điểm 30 (1.5 điểm) tính từ tiêu chí:

+ Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế còn thời hạn (tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển) tương đương IELTS từ 6.0 hoặc TOEFL iBT từ 73 trở lên.

- Mức điểm cộng áp dụng cho tất cả chương trình đào tạo, quy định trong **Bảng 7**.

- Điểm ưu tiên Khu vực (KV), Đối tượng (ĐT) căn cứ theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non hiện hành. Mức điểm ưu tiên KV, ĐT theo thang điểm 30 quy định trong Bảng dưới đây:

Bảng 1: Mức điểm ưu tiên KV, ĐT theo thang điểm 30

Ưu tiên khu vực		Ưu tiên đối tượng	
Khu vực	Mức điểm ưu tiên	Đối tượng	Mức điểm ưu tiên
KV1	0.75	ĐT1 đến ĐT4	2

Ưu tiên khu vực		Ưu tiên đối tượng	
KV2-NT	0.50		
KV2	0.25	ĐT5 đến ĐT7	1
KV3	0		

- Điểm ưu tiên KV,ĐT (quy đổi) đối với thí sinh có Điểm tốt nghiệp THPT từ 22,5 trở lên được xác định theo công thức sau:

+ Điểm ưu tiên KV,ĐT = $[(30 - \text{Điểm tốt nghiệp THPT (quy đổi)})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên theo thang điểm 30}$.

- Điểm xét tuyển tối đa là 30.00 điểm.

Trường hợp chương trình THPT của thí sinh không thể hiện điểm tốt nghiệp THPT, UEH sẽ căn cứ điểm trung bình các năm học THPT của thí sinh, thang điểm đánh giá của trường thí sinh tốt nghiệp để quy về "Điểm tốt nghiệp THPT", sau đó cộng điểm cộng, điểm ưu tiên theo quy định của Bộ GDĐT (nếu có).

2.3. Phương thức xét tuyển thí sinh có kết quả học tập Tốt (Phương thức 200)

- Điều kiện: Thí sinh có điểm trung bình (ĐTB) tổ hợp môn (theo quy định của UEH) đăng ký xét tuyển tính theo năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 từ 6.50 trở lên của chương trình THPT theo hình thức giáo dục chính quy và tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ GDĐT.

- Điểm xét tuyển theo thang điểm 30, được tính theo công thức sau:

Điểm xét tuyển = Điểm học tập + Điểm ưu tiên Khu vực, Đối tượng

Trong đó:

- Điểm học tập (quy đổi, tối đa 30 điểm) = ĐTB tổ hợp môn THPT + Điểm cộng

- ĐTB tổ hợp môn THPT = $\text{ĐTB tổ hợp môn lớp 10} + \text{ĐTB tổ hợp môn lớp 11} + \text{ĐTB tổ hợp môn lớp 12}$

- ĐTB tổ hợp môn được tính từng lớp, không nhân hệ số (làm tròn 2 chữ số thập phân)
= **(Môn 1 + Môn 2 + Môn 3)/3**

- Điểm cộng: tối đa 10% theo thang điểm 30 (3 điểm) tính từ các tiêu chí sau:

+ Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế còn thời hạn (tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển) tương đương IELTS từ 6.0 hoặc TOEFL iBT từ 73 trở lên.

+ Thí sinh đạt giải thưởng (Nhất, Nhì, Ba) kỳ thi chọn học sinh Giỏi THPT cấp tỉnh, cấp thành phố (trực thuộc trung ương) các môn: Toán, Vật lý, Hóa học, Tiếng Anh, Ngữ văn, Tin học, Lịch sử.

+ Thí sinh được khen thưởng/công nhận danh hiệu cả năm lớp 10, lớp 11, lớp 12 là Học sinh Xuất sắc, Học sinh Giỏi.

+ Thí sinh là học sinh trường THPT chuyên/năng khiếu.

- Mức điểm cộng áp dụng cho tất cả chương trình đào tạo, quy định trong bảng dưới đây:

Bảng 2: Mức điểm cộng đối với Phương thức 3

Điểm cộng	Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế			Giải thưởng kỳ thi chọn HSG THPT cấp Tỉnh/TP			Khen thưởng/công nhận danh hiệu Học sinh Xuất sắc/ Học sinh Giỏi			Trường THPT Chuyên/ Năng khiếu		
	IELTS (Academic)						Lớp			Lớp		
	6.0	6.5	7.0 (+)	Nhất	Nhì	Ba	10	11	12	10	11	12
Thang điểm 30	0.5	1.0	1.5	0.6	0.5	0.4	0.1	0.1	0.1	0.2	0.2	0.2

- Điểm ưu tiên KV, ĐT căn cứ theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non hiện hành. Mức điểm ưu tiên KV, ĐT theo thang điểm 30 quy định trong **Bảng 1**.

- Đối với thí sinh có Điểm học tập từ 22.5 trở lên, điểm ưu tiên KV, ĐT được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên KV, ĐT = [(30 - Điểm học tập)/7.5] x Mức điểm ưu tiên theo thang điểm 30

- Điểm xét tuyển tối đa là 30.00 điểm.

- UEH quy đổi tương đương điểm trúng tuyển giữa các phương thức tuyển sinh. Quy tắc quy đổi tương đương được thực hiện theo hướng dẫn thống nhất của Bộ GDĐT. Dự kiến, UEH sẽ công bố quy tắc quy đổi tương đương sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 học tại UEH Mekong.

Lưu ý: Thí sinh xét tuyển bằng tổ hợp môn có Ngoại ngữ là tiếng Đức, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật, Nga hoặc Pháp phải có chứng chỉ IELTS ≥ 5.5 hoặc TOEFL iBT từ 62 điểm trở lên.

2.4. Phương thức xét tuyển dựa trên kết quả thi đánh giá năng lực kết hợp với năng lực tiếng Anh (Phương thức 402, 417)

a) Kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh năm 2025 (Mã phương thức 402)

- Điều kiện: Thí sinh dự thi Kỳ thi đánh giá năng lực (ĐGNL) của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) năm 2025 và tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ GDĐT.

- Điểm xét tuyển: Điểm xét tuyển theo thang điểm quy định của UEH, được tính theo công thức sau:

Điểm xét tuyển = Điểm ĐGNL (Quy đổi) + Điểm ưu tiên Khu vực, Đối tượng

Trong đó:

- Điểm ĐGNL (quy đổi theo thang điểm UEH) = Điểm thi ĐGNL (quy đổi) + Điểm cộng

- Điểm thi ĐGNL (quy đổi): UEH công bố quy tắc quy đổi khi có kết quả thi TN THPT năm 2025.

- Điểm cộng: tối đa 5% tính theo tiêu chí:

+ Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế còn thời hạn (tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển) tương đương IELTS từ 6.0 hoặc TOEFL iBT từ 73 trở lên.

- Mức điểm cộng áp dụng cho tất cả chương trình đào tạo, quy định bảng dưới đây:

Bảng 3: Mức điểm cộng đối với thí sinh dự thi Kỳ thi ĐGNL của ĐHQG-HCM

Điểm cộng	Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế		
	IELTS (Academic)		
	6.0	6.5	7.0 (+)
Thang điểm 1200	20	40	60
Thang điểm 30	0.5	1.0	1.5

- Điểm ưu tiên KV, ĐT căn cứ theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non hiện hành. Mức điểm ưu tiên KV, ĐT theo thang điểm 30 quy định trong Bảng 1.

- Đối với thí sinh có Điểm ĐGNL(quy đổi) từ 22.5 trở lên đối với thang điểm 30 (từ 900 điểm trở lên đối với thang điểm 1200), điểm ưu tiên KV, ĐT được xác định theo công thức sau:

+ Thang điểm 30:

Điểm ưu tiên KV, ĐT = [(30 - Điểm ĐGNL)/7.5]xMức điểm ưu tiên theo thang điểm 30

+ Thang điểm 1200:

Điểm ưu tiên KV, ĐT = [(1200 - Điểm ĐGNL)/300]xMức điểm ưu tiên theo thang điểm 1200

- Điểm xét tuyển tối đa theo quy định của UEH (30 đối với thang điểm 30, 1200 đối với thang điểm 1200).

- UEH quy đổi tương đương điểm trúng tuyển giữa các phương thức tuyển sinh. Quy tắc quy đổi tương đương được thực hiện theo hướng dẫn thống nhất của Bộ GDĐT. Dự kiến, UEH sẽ công bố quy tắc quy đổi tương đương sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 học tại UEH Mekong.

b) Kỳ thi đánh giá đầu vào đại học V-SAT do Trường Đại học Cần Thơ tổ chức năm 2025 (Mã phương thức 417).

- Điều kiện: Thí sinh dự thi Kỳ thi đánh giá đầu vào đại học V-SAT do Trường Đại học Cần Thơ tổ chức năm 2025 và tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ GDĐT, trong đó có kết quả các môn thi theo tổ hợp xét tuyển của UEH Mekong.

Điểm xét tuyển (V-SAT) = Điểm V-SAT (Quy đổi) + Điểm ưu tiên KV, ĐT

Trong đó:

- Điểm V-SAT (quy đổi theo thang điểm UEH) = Điểm tổ hợp 3 môn thi V-SAT (quy đổi) + Điểm cộng

- Điểm tổ hợp 3 môn thi V-SAT (quy đổi) = Môn1 + Môn2 + Môn3 UEH công bố quy tắc quy đổi khi có kết quả thi TN THPT năm 2025.

- Điểm cộng: tối đa 5% tính từ tiêu chí:

+ Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế còn thời hạn (tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển) tương đương IELTS từ 6.0 hoặc TOEFL iBT từ 73 trở lên.

- Mức điểm cộng áp dụng cho tất cả chương trình đào tạo, quy định trong bảng dưới đây:

Bảng 5: Mức điểm cộng đối với thí sinh dự thi Kỳ thi đánh giá đầu vào đại học V-SAT

Điểm cộng	Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế		
	IELTS (Academic)		
	6.0	6.5	7.0 (+)
Thang điểm 450	7.5	15	22.5
Thang điểm 30	0.5	1.0	1.5

- Điểm ưu tiên KV, ĐT căn cứ theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non hiện hành. Mức điểm ưu tiên KV, ĐT theo thang điểm 30 quy định trong **Bảng 1**.

- Đối với thí sinh có Điểm ĐGNL(quy đổi) từ 22.5 trở lên đổi với thang điểm 30 (từ 337.5 điểm trở lên đổi với thang điểm 450), điểm ưu tiên KV, ĐT được xác định theo công thức sau:

+ Thang điểm 30:

Điểm ưu tiên KV, ĐT = [(30 - Điểm ĐGNL)/7.5]xMức điểm ưu tiên theo thang điểm 30

+ Thang điểm 450:

Điểm ưu tiên KV, ĐT (quy đổi) = [(450 - Điểm V-SAT)/112.5] x Mức điểm ưu tiên theo thang điểm 450

- Điểm xét tuyển tối đa theo quy định của UEH (30 đổi với thang điểm 30, 450 đổi với thang điểm 450).

c) Quy định chung nội dung (a), (b):

- UEH quy đổi tương đương điểm trúng tuyển giữa các phương thức tuyển sinh. Quy tắc quy đổi tương đương được thực hiện theo hướng dẫn thống nhất của Bộ GDĐT. Dự kiến, UEH sẽ công bố quy tắc quy đổi tương đương sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 học tại UEH Mekong.

2.5. Phương thức xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 kết hợp với năng lực tiếng Anh (Phương thức 100)

- Điều kiện: Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ GDĐT, tham gia kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025, trong đó có kết quả các môn thi theo tổ hợp xét tuyển của UEH.

- Điểm xét tuyển theo thang điểm 30, được tính theo công thức sau:

$$\text{Điểm xét tuyển (THPT)} = \text{Điểm THPT} + \text{Điểm ưu tiên KV, ĐT}$$

Trong đó:

- Điểm THPT (quy đổi, tối đa 30 điểm)=Điểm tổ hợp 3 môn thi THPT+Điểm cộng(quy đổi).

- Điểm tổ hợp 3 môn thi THPT (làm tròn 2 chữ số thập phân)

+ Trường hợp có môn thi nhân hệ số 2:

$$\text{Điểm tổ hợp 3 môn thi THPT} = (\text{Môn1} \times 2 + \text{Môn2} + \text{Môn3}) \times 3/4$$

+ Trường hợp không có môn thi nhân hệ số:

Điểm tổ hợp 3 môn thi THPT = Môn1 + Môn2 + Môn3

- Điểm cộng: tối đa 5% theo thang điểm 30 (1.5 điểm) tính từ tiêu chí:

+ Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế còn thời hạn (tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển) tương đương IELTS từ 6.0 hoặc TOEFL iBT từ 73 trở lên.

- Mức điểm cộng áp dụng cho tất cả chương trình đào tạo, quy định bằng dưới đây:

Bảng 5: Mức điểm cộng đối với Phương thức 5 của UEH

Điểm cộng	Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế		
	IELTS (Academic)		
	6.0	6.5	7.0 (+)
Thang điểm 30	0.5	1.0	1.5

- Điểm ưu tiên KV, ĐT căn cứ theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non hiện hành. Mức điểm ưu tiên KV, ĐT theo thang điểm 30 quy định trong **Bảng 1**.

- Đối với thí sinh có **Điểm THPT** từ 22.5 trở lên, điểm ưu tiên KV, ĐT được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên KV, ĐT = [(30 - Điểm THPT)/7.5] x Mức điểm ưu tiên theo thang điểm 30

- Điểm xét tuyển tối đa là 30.00 điểm.

- UEH quy đổi tương đương điểm trúng tuyển giữa các phương thức tuyển sinh. Quy tắc quy đổi tương đương được thực hiện theo hướng dẫn thống nhất của Bộ GDĐT. Dự kiến, UEH sẽ công bố quy tắc quy đổi tương đương sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 học tại UEH Mekong.

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

3.1. Ngưỡng đầu vào:

- Phương thức xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GDĐT: Thí sinh thỏa điều kiện về đối tượng xét tuyển của phương thức này.

- Phương thức xét tuyển thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài và có chứng chỉ quốc tế: Thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài và có chứng chỉ quốc tế thỏa điều kiện xét tuyển của phương thức này.

- Phương thức xét tuyển thí sinh có kết quả học tập Tốt: Thí sinh có điểm trung bình tổ hợp môn theo quy định của UEH đăng ký xét tuyển từ 6.50 trở lên cho các năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 của chương trình THPT theo hình thức giáo dục chính quy và tốt nghiệp THPT.

- Phương thức xét tuyển dựa trên kết quả thi đánh giá năng lực kết hợp năng lực tiếng Anh: UEH sẽ thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với từng ngành, chương trình đào tạo trên Cổng tuyển sinh UEH: <https://tuyensinh.ueh.edu.vn/> sau khi có phổ điểm kỳ thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP.HCM tổ chức đợt 1, 2 năm 2025 và Kỳ thi đánh giá đầu vào đại học V-SAT do Trường Đại học Cần Thơ tổ chức năm 2025 và theo lịch chung của Bộ GDĐT học tại UEH Mekong.

- Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 kết hợp năng lực tiếng Anh: UEH sẽ thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với từng ngành,

chương trình đào tạo sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 trên Cổng tuyển sinh UEH: <https://tuyensinh.ueh.edu.vn/> và theo lịch chung của Bộ GDĐT học tại UEH Mekong.

Đồng thời, đối với các ngành, chương trình đào tạo Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quy định Chuẩn chương trình đào tạo trình độ đại học thì ngưỡng đầu vào phải thỏa Quy định của Bộ GDĐT.

Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào của các phương thức xét tuyển sẽ được UEH thực hiện theo hướng dẫn thống nhất của Bộ GDĐT. Dự kiến, UEH sẽ công bố quy tắc quy đổi sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 học tại UEH Mekong.

3.2. Điểm trúng tuyển: Quy tắc quy đổi tương đương điểm trúng tuyển của các phương thức xét tuyển sẽ được UEH thực hiện theo hướng dẫn thống nhất của Bộ GDĐT. Dự kiến, UEH sẽ công bố quy tắc quy đổi sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

- Tên trường: **PHÂN HIỆU ĐẠI HỌC KINH TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TẠI TỈNH VĨNH LONG**
- Mã trường: **KSV**
- Tổng chỉ tiêu: 650 chỉ tiêu
- Cổng thông tin tuyển sinh: <https://tuyensinh.ueh.edu.vn/>
- Thông tin chương trình đào tạo, mã đăng ký xét tuyển, tổ hợp xét tuyển, chỉ tiêu:

TT	Mã xét tuyển	Chương trình đào tạo xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp xét tuyển Phương thức 200	Tổ hợp xét tuyển Phương thức 100 và 417
1	7220201	Tiếng Anh thương mại ^(*) , ^(**)	7220201	Ngôn ngữ Anh	30	Phương thức 301 Phương thức 411 Phương thức 200 Phương thức 402 Phương thức 417 Phương thức 100	- D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2 - D09, AH5, D36, D37, D38, D39, D40	D01, D09
2	7340101	Quản trị	7340101	Quản trị kinh doanh	40	Phương thức 301 Phương thức 411 Phương thức 200 Phương thức 402 Phương thức 417 Phương thức 100	- A00 - A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 - D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2 - D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2 - D09, AH5, D36, D37, D38, D39, D40	A00, A01, D01, D07, D09
3	7340115	Marketing	7340115	Marketing	70	Phương thức 301 Phương thức 411 Phương thức 200 Phương thức 402 Phương thức 417 Phương thức 100	- A00 - A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 - D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2 - D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2 - D09, AH5, D36, D37, D38, D39, D40	A00, A01, D01, D07, D09

TT	Mã xét tuyển	Chương trình đào tạo xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp xét tuyển Phương thức 200	Tổ hợp xét tuyển Phương thức 100 và 417
4	7340120	Kinh doanh quốc tế	7340120	Kinh doanh quốc tế	60	Phương thức 301 Phương thức 411 Phương thức 200 Phương thức 402 Phương thức 417 Phương thức 100	- A00 - A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 - D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2 - D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2 - D09, AH5, D36, D37, D38, D39, D40	A00, A01, D01, D07, D09
5	7340122	Thương mại điện tử ^(*) (**)	7340122	Thương mại điện tử	60	Phương thức 301 Phương thức 411 Phương thức 200 Phương thức 402 Phương thức 417 Phương thức 100	- A00 - A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 - D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2 - D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2 - D09, AH5, D36, D37, D38, D39, D40	A00, A01, D01, D07, D09
6	7340201_01	Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	40	Phương thức 301 Phương thức 411 Phương thức 200 Phương thức 402 Phương thức 417 Phương thức 100	- A00 - A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 - D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2 - D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2 - D09, AH5, D36, D37, D38, D39, D40	A00, A01, D01, D07, D09

TT	Mã xét tuyển	Chương trình đào tạo xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp xét tuyển Phương thức 200	Tổ hợp xét tuyển Phương thức 100 và 417
7	7340201_02	Tài chính	7340201	Tài chính - Ngân hàng	40	Phương thức 301 Phương thức 411 Phương thức 200 Phương thức 402 Phương thức 417 Phương thức 100	- A00 - A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 - D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2 - D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2 - D09, AH5, D36, D37, D38, D39, D40	A00, A01, D01, D07, D09
8	7340201_03	Thuế (*)	7340201	Tài chính - Ngân hàng	30	Phương thức 301 Phương thức 411 Phương thức 200 Phương thức 402 Phương thức 417 Phương thức 100	- A00 - A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 - D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2 - D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2 - D09, AH5, D36, D37, D38, D39, D40	A00, A01, D01, D07, D09
9	7340301	Kế toán doanh nghiệp ^(S)	7340301	Kế toán	60	Phương thức 301 Phương thức 411 Phương thức 200 Phương thức 402 Phương thức 417 Phương thức 100	- A00 - A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 - D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2 - D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2 - D09, AH5, D36, D37, D38, D39, D40	A00, A01, D01, D07, D09

TT	Mã xét tuyển	Chương trình đào tạo xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp xét tuyển Phương thức 200	Tổ hợp xét tuyển Phương thức 100 và 417
10	7380107	Luật kinh tế (*)	7380107	Luật kinh tế	40	Phương thức 301 Phương thức 411 Phương thức 200 Phương thức 402 Phương thức 417 Phương thức 100	- A00 - A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 - D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2 - D09, AH5, D36, D37, D38, D39, D40	A00, A01, D01, D09
11	7480107	Robot và Trí tuệ nhân tạo (hệ kỹ sư)(*)	7480107	Trí tuệ nhân tạo	30	Phương thức 301 Phương thức 411 Phương thức 200 Phương thức 402 Phương thức 417 Phương thức 100	- A00 - A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 - D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2 - D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2	A00, A01, D01, D07
12	7480201	Công nghệ và đổi mới sáng tạo(*)(**)	7480201	Công nghệ thông tin	30	Phương thức 301 Phương thức 411 Phương thức 200 Phương thức 402 Phương thức 417 Phương thức 100	- A00 - A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 - D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2 - D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2	A00, A01, D01, D07
13	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (*)	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	60	Phương thức 301 Phương thức 411 Phương thức 200 Phương thức 402 Phương thức 417 Phương thức 100	- A00 - A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 - D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2 - D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2	A00, A01, D01, D07

TT	Mã xét tuyển	Chương trình đào tạo xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp xét tuyển Phương thức 200	Tổ hợp xét tuyển Phương thức 100 và 417
14	7620114	Kinh doanh nông nghiệp ^{(S)(*)}	7620114	Kinh doanh nông nghiệp	30	Phương thức 301 Phương thức 411 Phương thức 200 Phương thức 402 Phương thức 417 Phương thức 100	- A00 - A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 - D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2 - D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2 - D09, AH5, D36, D37, D38, D39, D40	A00, A01, D01, D07, D09
15	7810201	Quản trị khách sạn ^(*)	7810201	Quản trị khách sạn	30	Phương thức 301 Phương thức 411 Phương thức 200 Phương thức 402 Phương thức 417 Phương thức 100	- A00 - A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3 - D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2 - D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2 - D09, AH5, D36, D37, D38, D39, D40	A00, A01, D01, D07, D09
				Tổng:	650			

(S): Có chương trình đào tạo song bằng tích hợp.

(*): Các chương trình đào tạo tuyển sinh phạm vi toàn quốc. Các chương trình đào tạo còn lại tuyển sinh thí sinh có hộ khẩu thường trú phạm vi ĐBSCL (*An Giang, Bạc Liêu, Bến Tre, Cà Mau, Cần Thơ, Đồng Tháp, Hậu Giang, Kiên Giang, Long An, Sóc Trăng, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long*).

(**): Toán nhân hệ số 2 (Đối với PT5 thi TN THPT 2025), quy về thang điểm 30.

(***): Tiếng Anh hệ số 2 (Đối với PT5 thi TN THPT 2025), quy về thang điểm 30.

❖ Tổ hợp môn xét tuyển:

Stt	Mã tổ hợp môn	Tên tổ hợp môn	Môn thi	Phương thức 200 (PT3)	Phương thức 100, 417 (V-SAT, PT5)
1	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	TO - LI - HO	Sử dụng	Sử dụng
2	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	TO - LI - N1	Sử dụng	Sử dụng
3	D01	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	TO - VA - N1	Sử dụng	Sử dụng
4	D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	TO - HO - N1	Sử dụng	Sử dụng
5	D09	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh	TO - SU - N1	Sử dụng	Sử dụng
6	AH3	Toán, Vật lí, Tiếng Hàn	TO - LI - N7	Sử dụng (Điều kiện: IELTS $\geq$ 5.5 hoặc TOEFL iBT $\geq$ 62)	Không sử dụng
7	D26	Toán, Vật lí, Tiếng Đức	TO - LI - N5		
8	D27	Toán, Vật lí, Tiếng Nga	TO - LI - N2		
9	D28	Toán, Vật lí, Tiếng Nhật	TO - LI - N6		
10	D29	Toán, Vật lí, Tiếng Pháp	TO - LI - N3		
11	D30	Toán, Vật lí, Tiếng Trung	TO - LI - N4	Sử dụng (Điều kiện: IELTS $\geq$ 5.5 hoặc TOEFL iBT $\geq$ 62)	Không sử dụng
12	DD2	Toán, Ngữ văn, Tiếng Hàn	TO - VA - N7		
13	D02	Toán, Ngữ văn, Tiếng Nga	TO - VA - N2		
14	D03	Toán, Ngữ văn, Tiếng Pháp	TO - VA - N3		
15	D04	Toán, Ngữ văn, Tiếng Trung	TO - VA - N4		
16	D05	Toán, Ngữ văn, Tiếng Đức	TO - VA - N5	Sử dụng (Điều kiện: IELTS $\geq$ 5.5 hoặc TOEFL iBT $\geq$ 62)	Không sử dụng
17	D06	Toán, Ngữ văn, Tiếng Nhật	TO - VA - N6		
18	AH2	Toán, Hóa học, Tiếng Hàn	TO - HO - N7		
19	D21	Toán, Hóa học, Tiếng Đức	TO - HO - N5		
20	D22	Toán, Hóa học, Tiếng Nga	TO - HO - N2		
21	D23	Toán, Hóa học, Tiếng Nhật	TO - HO - N6	Sử dụng (Điều kiện: IELTS $\geq$ 5.5 hoặc TOEFL iBT $\geq$ 62)	Không sử dụng
22	D24	Toán, Hóa học, Tiếng Pháp	TO - HO - N3		
23	D25	Toán, Hóa học, Tiếng Trung	TO - HO - N4		
24	AH5	Toán, Lịch sử, Tiếng Hàn	TO - SU - N7		
25	D36	Toán, Lịch sử, Tiếng Đức	TO - SU - N5		
26	D37	Toán, Lịch sử, Tiếng Nga	TO - SU - N2	Sử dụng (Điều kiện: IELTS $\geq$ 5.5 hoặc TOEFL iBT $\geq$ 62)	Không sử dụng
27	D38	Toán, Lịch sử, Tiếng Nhật	TO - SU - N6		
28	D39	Toán, Lịch sử, Tiếng Pháp	TO - SU - N3		
29	D40	Toán, Lịch sử, Tiếng Trung	TO - SU - N4		

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

a. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

Trong trường hợp nhiều thí sinh cùng điểm xét tuyển ở cuối danh sách và vượt chỉ tiêu tuyển sinh, UEH Mekong sử dụng tiêu chí phụ để xét tuyển như sau: Thứ tự nguyện vọng, Điểm thi môn Toán trong kỳ thi THPT năm 2025.

b. Điểm cộng

UEH Mekong thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của UEH, của Bộ GD&ĐT: Điểm cộng tối đa 10% theo thang điểm xét và được cộng trước khi cộng điểm ưu tiên (ưu tiên khu vực, ưu tiên đối tượng). Mỗi thí sinh đều có cơ hội đạt mức điểm tối đa của thang điểm xét, nhưng không thí sinh nào có điểm xét (tính cả các loại điểm cộng, điểm ưu tiên) vượt quá mức điểm tối đa thang điểm xét, cụ thể:

b.1. Điểm cộng từng phương thức

- **Phương thức 200 (PT3), điểm cộng là các tiêu chí:**

+ Học sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế còn thời hạn (tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển) tương đương IELTS từ 6.0 hoặc TOEFL iBT từ 73 trở lên.

+ Học sinh đạt giải thưởng (Nhất, Nhì, Ba) kỳ thi chọn học sinh Giỏi THPT cấp tỉnh, cấp thành phố (trực thuộc trung ương) các môn: Toán, Vật lý, Hóa học, Tiếng Anh, Ngữ văn, Tin học, Lịch sử.

+ Học sinh khen thưởng/danh hiệu (xếp loại học lực) năm lớp 10, 11, 12 là học sinh xuất sắc, học sinh giỏi.

+ Học sinh trường THPT chuyên/năng khiếu.

- Phương thức 411 (PT2), Phương thức 402, 417 (PT4), Phương thức 100 (PT5) điểm cộng là tiêu chí:

+ Học sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế còn thời hạn (tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển) tương đương IELTS từ 6.0 hoặc TOEFL iBT từ 73 trở lên.

b.2. Điểm cộng ưu tiên khu vực, ưu tiên đối tượng trong tuyển sinh đại học (gọi tắt là điểm ưu tiên): áp dụng các phương thức 411 (PT2), phương thức 200 (PT3), phương thức 402, 417 (PT4), phương thức 100 (PT5)

c. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo

- Đối với mỗi ngành, chương trình đào tạo có mã xét tuyển và chỉ tiêu riêng, thí sinh đăng ký theo từng mã xét tuyển ứng với ngành, chương trình đào tạo và sẽ được UEH Mekong quy đổi điểm trúng tuyển tương ứng với ngành, chương trình đào tạo theo chỉ tiêu.

d. Các thông tin khác

d.1. Chương trình tiếng Việt:

- Thí sinh trúng tuyển vào UEH Mekong là đã trúng tuyển chương trình tiếng Việt (*Chương trình đào tạo bằng Tiếng Việt, theo tiêu chuẩn của chương trình tiên tiến chất lượng cao, trên nền tảng các chương trình đào tạo của Top 200 đại học hàng đầu trên thế giới, có tính liên thông quốc tế với phương châm “Dạy những gì các đại học hàng đầu thế giới đang dạy”*).

+ Học tại UEH Mekong: 2,5 năm.

+ Được tham gia luân chuyển học tại CSC TP. Hồ Chí Minh: 01 năm cuối.

- Sinh viên sau khi trúng tuyển, tùy theo các chương trình đào tạo sẽ được học theo Chương trình tiên tiến quốc tế và Chương trình tiên tiến.

+ **Chương trình tiên tiến quốc tế:** Là các chương trình đào tạo được kiểm định chất lượng bởi các tổ chức quốc tế (AUN-QA (Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN), FIBAA (Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng quốc tế của châu Âu)...).

+ **Chương trình tiên tiến:** Là những chương trình đào tạo Tiên tiến, được thiết kế dựa trên TOP 200 Đại học hàng đầu thế giới; tham vấn bởi các chuyên gia hiệp hội nghề nghiệp quốc tế và được rà soát chất lượng định kỳ 2 – 5 năm/lần.

d.2. Chương trình song ngành tích hợp:

- Kinh doanh nông nghiệp và Kinh doanh quốc tế

- Kinh doanh nông nghiệp và Logistic & Quản lý chuỗi cung ứng

- Kế toán doanh nghiệp và Thuế

Thí sinh xem thông báo tại Cổng tuyển sinh của UEH: <https://tuyensinh.ueh.edu.vn/>

d.3. Chương trình cử nhân quốc tế Mekong: Phối hợp cùng Trường Tài năng (ISB) thuộc UEH tuyển sinh gồm các ngành: Tài chính ứng dụng, kinh doanh quốc tế, Marketing và Truyền thông, Quản trị nguồn nhân lực, Kế toán, Cử nhân đa ngành (chuyên ngành Quản lý toàn cầu, Nghiên cứu toàn cầu, Phát triển bền vững toàn cầu).

d.3.1 Chương trình gồm 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Giai đoạn 1 (2 năm): Học tại UEH Mekong.
- Giai đoạn 2: Chuyển tiếp học tập tại trường Tài năng (ISB) thuộc UEH hoặc các trường đại học hàng đầu thế giới liên kết với ISB.

d.3.2 Điều kiện tuyển sinh, bằng cấp:

d.3.2.1 Điều kiện tuyển sinh:

- Phạm vi tuyển sinh toàn quốc và các nước tiểu vùng sông Mekong (Lào, Campuchia, Thái Lan, Myanmar,...).

- Để được xét tuyển vào chương trình, thí sinh phải đạt các điều kiện sau:

+ Điều kiện học thuật:

Học sinh có điểm Trung bình các môn học hoặc điểm thi Tốt nghiệp Trung học phổ thông đạt điểm xét tuyển được công bố hàng năm; HOẶC

Học sinh trúng tuyển vào Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh năm 2025.

+ Điều kiện tiếng Anh:

Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương IELTS (Academic) 5.5 (Viết 5.0); HOẶC Đạt ít nhất 60/80 điểm bài thi Internet-based Placement Test (IPT).

d.3.3 Bằng cấp: Do trường đối tác cấp bằng.

6. Tổ chức tuyển sinh

6.1. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

Theo lịch chung của Bộ GDĐT:

- Phương thức 1: Thí sinh nộp hồ sơ trực tiếp hoặc chuyển phát nhanh đến Phân hiệu Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh tại tỉnh Vĩnh Long (Phòng Tuyển sinh - Truyền thông, Số 1B Nguyễn Trung Trực, phường 8, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long)

- Phương thức 2, 3, 4, 5: Thí sinh nộp hồ sơ minh chứng các tiêu chí xét tuyển từ ngày 02/6/2025 đến 17g00 ngày 28/7/2025 theo hướng dẫn tại Cổng tuyển sinh: <https://tuyensinh.ueh.edu.vn/>.

6.2. Nguyên tắc chung cho các phương thức xét tuyển

- Thí sinh đăng ký xét tuyển độc lập cho 2 mã trường của UEH là KSA (học tại Thành phố Hồ Chí Minh) và KSV (học tại Vĩnh Long). Trong 1 mã trường, Thí sinh có thể đăng ký nhiều ngành, chương trình đào tạo của nhiều phương thức khác nhau.

- Có 3 nhóm chương trình tuyển sinh độc lập cho 2 mã tuyển sinh KSA và KSV:

+ Chương trình Tiếng Việt, chương trình tiếng Anh bán phần, tiếng Anh toàn phần học tại Thành phố Hồ Chí Minh (KSA).

+ Chương trình Cử nhân tài năng ISB BBus (KSA tài năng), chương trình Cử nhân ISB Asean Co-op.

- + Chương trình tiếng Việt học tại Vĩnh Long (KSV).
- Tùy theo phạm vi tuyển sinh các chương trình đào tạo của mã KSV (khu vực ĐBSCL hay toàn quốc), thí sinh có thể đăng ký đồng thời 3 nhóm tuyển sinh trên.
- Thí sinh được hưởng điểm cộng theo quy định các phương thức xét tuyển cần gửi minh chứng theo hướng dẫn trên Cổng tuyển sinh UEH: <https://tuyensinh.ueh.edu.vn/>.
- Thí sinh đăng ký phương thức 2 cần hoàn thành thủ tục đăng ký tại UEH theo hướng dẫn tại Cổng tuyển sinh: <https://tuyensinh.ueh.edu.vn/>, sau đó tiếp tục thực đăng ký trên Cổng tuyển sinh của Bộ GDĐT.
- Đối với thí sinh đủ điều kiện tham gia xét tuyển ở nhiều phương thức khác nhau, khi đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Cổng tuyển sinh của Bộ GDĐT sẽ được UEH xét đồng thời nhiều phương thức khác nhau (PT3, 4, 5) để đảm bảo cơ hội trúng tuyển cao nhất của thí sinh.
- Trong tất cả các ngành, chương trình đào tạo của các phương thức (PT2, 3, 4, 5), thí sinh được xét bình đẳng theo Điểm xét tuyển từ cao xuống thấp, không phân biệt thứ tự của nguyện vọng đăng ký (trừ trường hợp quy định tại nội dung Tiêu chí phụ trong xét tuyển).
- Nếu thí sinh đã trúng tuyển 01 nguyện vọng, sẽ không xét nguyện vọng tiếp theo.
- Trường hợp thí sinh có cùng điểm quy đổi trúng tuyển 01 chương trình đào tạo nhiều phương thức khác nhau (PT2, 3, 4, 5), UEH xác định 01 phương thức trúng tuyển duy nhất của thí sinh theo thứ tự ưu tiên sau:
 - + 1: Phương thức xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT của nước ngoài và có chứng chỉ quốc tế.
 - + 2: Phương thức xét tuyển thí sinh có kết quả học tập Tốt.
 - + 3: Phương thức xét tuyển dựa trên kết quả thi đánh giá năng lực kết hợp năng lực tiếng Anh.
 - + 4: Phương thức xét tuyển dựa trên kết quả thi THPT năm 2025 kết hợp năng lực tiếng Anh.
- Sau khi UEH công bố kết quả trúng tuyển cho tất cả các phương thức (PT1, 2, 3, 4, 5) thí sinh trúng tuyển phải thực hiện thủ tục xác nhận nhập học theo quy định của Bộ GDĐT trước khi nhập học tại UEH Mekong.

6.3. Nguyên tắc từng phương thức xét tuyển

6.3.1. Phương thức xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GDĐT

- Chỉ tiêu: 2% theo chương trình đào tạo.
- Số nguyện vọng: Không hạn chế số lượng nguyện vọng, thí sinh phải sắp xếp các nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (số 1 thể hiện nguyện vọng cao nhất).
- Quy định xét tuyển:
 - + Đối tượng thuộc Điểm a, Khoản 2: Xét tuyển theo thứ tự giải thưởng thí sinh đạt được (giải nhất là ưu tiên cao nhất).
 - + Đối tượng còn lại: xét tuyển theo quy định của Bộ GDĐT và của UEH.
- Thí sinh nộp hồ sơ trực tiếp hoặc chuyển phát nhanh đến Phân hiệu Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh tại tỉnh Vĩnh Long (Ban Đào tạo, Phòng A0.14, địa chỉ: 59C Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh) theo thời gian quy

định. Thí sinh xem hướng dẫn chi tiết trên Cổng tuyển sinh UEH: <https://tuyensinh.ueh.edu.vn/>

6.3.2. Phương thức xét tuyển thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài và có chứng chỉ quốc tế, Phương thức xét tuyển thí sinh có kết quả học tập Tốt, Phương thức xét tuyển dựa trên kết quả thi đánh giá năng lực kết hợp với năng lực tiếng Anh, Phương thức xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 kết hợp năng lực tiếng Anh

- Chỉ tiêu: Chung các PT2, PT3, PT4, PT5.
- Thí sinh đăng ký xét tuyển theo quy định của Bộ GDĐT.
- Thí sinh được thực hiện điều chỉnh nguyện vọng đăng ký xét tuyển nhiều lần theo quy định của Bộ GDĐT.
- Số nguyện vọng: Không hạn chế số lượng nguyện vọng, thí sinh phải sắp xếp các nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (số 1 thể hiện nguyện vọng cao nhất).
- Đăng ký xét tuyển: Thí sinh thực hiện đồng thời 2 bước sau:
 - + Bước 1: Thí sinh nộp hồ sơ minh chứng đến UEH Mekong theo hướng dẫn trên Cổng tuyển sinh của UEH: <https://tuyensinh.ueh.edu.vn/>.
 - + Bước 2: Thí sinh đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống của Bộ GDĐT theo kế hoạch chung

Lưu ý chung:

- Thí sinh đã trúng tuyển (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT) vào UEH Mekong theo phương thức xét tuyển thẳng thực hiện đăng ký nguyện vọng trên hệ thống của Bộ GDĐT theo kế hoạch chung để lựa chọn chương trình đã trúng tuyển thẳng UEH Mekong hoặc đăng ký nguyện vọng xét tuyển khác.
- Thí sinh tự quyết định việc đặt thứ tự ưu tiên nguyện vọng xét tuyển (NVXT) khi đăng ký trên hệ thống Bộ GDĐT, trong đó nguyện vọng số 1 thể hiện nguyện vọng cao nhất.
- Tất cả các NVXT của thí sinh vào UEH Mekong được xét tuyển và mỗi thí sinh chỉ trúng tuyển 01 nguyện vọng cao nhất trong số các nguyện vọng đã đăng ký vào UEH Mekong.
- Sau khi UEH công bố kết quả trúng tuyển cho tất cả các phương thức, thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học theo hình thức trực tuyến trên hệ thống của Bộ GDĐT trước khi nhập học tại UEH Mekong.
- Các mốc thời gian, địa điểm cụ thể được công bố và hướng dẫn trên Cổng tuyển sinh: <https://tuyensinh.ueh.edu.vn/>

6.4. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm

Tuyển sinh bổ sung đợt 1: UEH Mekong chỉ thực hiện tuyển sinh bổ sung đợt 1 trong trường hợp tuyển sinh đợt chính thức còn chỉ tiêu, tuyển sinh bổ sung đợt 1 thực hiện với các tiêu chí như sau:

6.4.1. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT theo quy định của Bộ GDĐT.

6.4.2. Phạm vi tuyển sinh:

- **Tuyển sinh trong cả nước đối với các ngành:** Kinh doanh nông nghiệp, Thương mại điện tử, Quản trị khách sạn, Ngôn ngữ Anh, Luật kinh tế, Thuế, Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo, Robot và trí tuệ nhân tạo (hệ kỹ sư).

- **Các ngành khác:** Tuyển sinh đối với học sinh có hộ khẩu thường trú tại 13 tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long (bao gồm: An Giang, Bạc Liêu, Bến Tre, Cà Mau, Cần Thơ, Đồng Tháp, Hậu Giang, Kiên Giang, Long An, Sóc Trăng, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long)..

6.4.3. Phương thức tuyển sinh:

- **Xét tuyển dựa trên kết quả thi THPT năm 2025 (Mã phương thức: 100):** Thí sinh đạt yêu cầu về ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của UEH Mekong.

- **Xét tuyển thí sinh có kết quả học tập Tốt (Mã phương thức: 200):** Học sinh có điểm trung bình tổ hợp môn đăng ký xét tuyển từ 6.50 trở lên cho các năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 của chương trình THPT theo hình thức giáo dục chính quy và tốt nghiệp THPT.

Hoặc các phương thức khác do Giám đốc Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh quy định cụ thể trong thông báo xét tuyển.

6.4.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh và số thí sinh trúng tuyển đã xác nhận nhập học tại UEH Mekong (trong đợt chính thức), Hội đồng Tuyển sinh xem xét, thông báo trên Cổng tuyển sinh <https://tuyensinh.ueh.edu.vn> hoặc <https://ueh.edu.vn/ueh-mekong>.

6.4.5. Nguyên tắc tuyển sinh:

Điểm xét tuyển sẽ xét tuyển thí sinh có điểm từ cao đến thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu. Trong trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét tuyển ở cuối danh sách và vượt chỉ tiêu tuyển sinh, UEH Mekong sử dụng tiêu chí phụ để xét tuyển như sau: Điểm trung bình môn Toán lớp 12 từ cao đến thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.

6.4.6. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian, hình thức nhận đăng ký xét tuyển

Thời gian đăng ký xét tuyển: Do Giám đốc Đại học UEH quy định, phù hợp phương thức tổ chức đào tạo, khung kế hoạch thời gian năm học tại UEH Mekong và thông báo trên Cổng thông tin tuyển sinh: <https://tuyensinh.ueh.edu.vn> hoặc <https://ueh.edu.vn/ueh-mekong>.

6.4.7. Lệ phí xét tuyển:

Thí sinh nộp lệ phí theo quy định của Bộ GDĐT và của UEH được thông báo trên Cổng thông tin tuyển sinh: <https://tuyensinh.ueh.edu.vn> hoặc <https://ueh.edu.vn/ueh-mekong>.

7. Chính sách ưu tiên

- Theo Quy định trong Quy chế tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2025.

8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

- Thí sinh đăng ký trên Cổng tuyển sinh của Bộ GDĐT: **dự kiến 20.000đ/nguyên vọng** (mức thu lệ phí thực tế theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT).

- Thí sinh kê khai, cung cấp các minh chứng liên quan đầu điểm trong phương thức xét tuyển tại Công tuyển sinh của UEH: **Không đóng lệ phí.**

Trong các đợt xét tuyển bổ sung (nếu có), thí sinh thực hiện đăng ký xét tuyển và nộp lệ phí theo quy định của UEH.

9. UEH Mekong thực hiện các cam kết đối với thí sinh

- UEH Mekong thực hiện các cam kết đối với thí sinh; tư vấn, hỗ trợ và giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro theo quy chế, quy định hiện hành.

10. Dự kiến học phí và học bổng

10.1. Đại học chính quy:

10.1.1. Học phí dự kiến với SV chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

Thực hiện điều chỉnh tăng, giảm hoặc giữ nguyên các mức học phí của các loại học phần, các chương trình để tiến đến năm học 2025-2026 thống nhất 1 mức học phí cho các học phần trong 1 nhóm theo phân loại: học phần tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Việt các môn tích hợp chứng chỉ quốc tế.

Mức học phí năm học 2025 - 2026: (bằng 60% học phí của cơ sở tại Thành Phố Hồ Chí Minh).

STT	Chương trình	Học phí
1	Các chương trình tiên tiến quốc tế (đã kiểm định quốc tế)	Tiếng Việt: 780.000 đ/tín chỉ
2	Các chương trình tiên tiến	Tiếng Việt: 660.000 đ/tín chỉ

- Lộ trình tăng học phí (mức tăng không quá 5%/năm).

- Đối với các học phần thực hành, đồ án, thực tế, ... của chương trình Robot và Trí tuệ nhân tạo (hệ kỹ sư): mức học phí tín chỉ = 1,2 x mức học phí tín chỉ học phần lý thuyết

*Tín chỉ: được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết lý thuyết, 30-45 tiết thực hành; 45-90 giờ thực tập tại cơ sở; 45-60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn (theo quy định của UEH).

10.1.2. Chính sách học bổng

- Học bổng chung:

HỌC BỔNG TUYỂN SINH NĂM 2025 (KHÓA 51)			
Học bổng	Số suất	Giá trị học bổng (đồng/suất)	Tổng học bổng (đồng)
Học bổng xuất sắc	05	15.000.000	75.000.000
Học bổng toàn phần	15	10.000.000	150.000.000
Học bổng bán phần	36	5.000.000	180.000.000
HỌC BỔNG HỖ TRỢ HỌC TẬP (KHÓA 51)			
Học bổng toàn phần	05	10.000.000	50.000.000
Học bổng bán phần	10	5.000.000	50.000.000
Tổng kinh phí			505.000.000

Học bổng ưu tiên cho 3 chương trình Công nghệ đổi mới sáng tạo, Robot và Trí tuệ nhân tạo (hệ kỹ sư), Kinh doanh nông nghiệp: 100% học sinh có hộ khẩu khu vực ĐBSCL theo học 3 chương trình đào tạo (Công nghệ và đổi mới sáng tạo, Robot và trí tuệ nhân tạo (*hệ kỹ sư*), Kinh doanh nông nghiệp) tại UEH Mekong được nhận học bổng 100% học phí học kỳ đầu (đối với sinh viên có tiêu chí xét tuyển đạt loại giỏi), 50% học phí học kỳ đầu (sinh viên có hộ khẩu ĐBSCL còn lại).

Chi tiết thí sinh xem tại: <https://nhaphoc.ueh.edu.vn/tu-van-truoc-nhap-hoc/dai-hoc-chinh-quy/thong-tin-hoc-phi-hoc-bong>

10.2. Học phí tạm tính và học bổng Chương trình cử nhân Quốc tế Mekong học tại UEH Mekong và quốc tế

GIẢI ĐOẠN		HỌC PHÍ	HỌC BỔNG	SINH HOẠT PHÍ (*)
GIẢI ĐOẠN 1	UEH Mekong (phân hiệu Vĩnh Long)	108.000.000 VNĐ/năm	13 suất học bổng 100% học phí, 17 suất học bổng 50% học phí	
GIẢI ĐOẠN 2	Western Sydney Việt Nam	155.000.000 VNĐ/năm	Từ 30%-50% học phí/năm	
	Đại học Western Sydney, Úc	34.160 AUD/năm	3.000 AUD - 6.000 AUD/năm	~28.000 AUD/năm
	Đại học Waikato, NZ	36.430 NZD/năm	5.000 NZD - 10.000 NZD/năm	~26.000 NZD/năm
	Đại học Dalhousie, Canada	37.418 CAD/năm		~24.000 CAD/năm
	Đại học FJCU, Đài Loan	145.000 TWD/năm		~120.000TWD/năm
(*) Chi phí sinh hoạt sẽ thay đổi tùy vào mức sống của mỗi sinh viên				

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

Stt	Mã xét tuyển 2024	Tên chương trình, ngành xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Phương thức xét tuyển	Năm 2023						Năm 2024						Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/thang điểm xét				Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/thang điểm xét				
								201	202	402	100			201	202	402	100	
1	7220201	Tiếng Anh thương mại	7220201	Ngành Ngôn ngữ Anh	100, 201, 202, 301, 402, 411	30	23	48	40	600	17	30	28	49	40	600	17	
2	7340101	Quản trị	7340101	Ngành Quản trị kinh doanh	100, 201, 202, 301, 402, 411	60	26	48	40	600	17	30	35	49	40	600	18	
3	7340115	Marketing	7340115	Ngành Marketing	100, 201, 202, 301, 402, 411	70	69	48	40	600	17	70	67	49	42	600	22	
4	7340120	Kinh doanh quốc tế	7340120	Ngành Kinh doanh quốc tế	100, 201, 202, 301, 402, 411	50	46	48	40	600	17	50	55	49	42	600	18.50	
5	7340122	Thương mại điện tử	7340122	Ngành Thương mại điện tử	100, 201, 202, 301, 402, 411	50	51	48	40	550	17	60	65	49	42	600	20	
6	7340201_01	Ngân hàng	7340201	Ngành Tài chính - Ngân hàng	100, 201, 202, 301, 402, 411	40	32	48	40	600	17	35	44	49	40	600	18	
7	7340201_02	Tài chính	7340201	Ngành Tài chính - Ngân hàng	100, 201, 202, 301, 402, 411	40	31	48	40	600	17	35	35	49	40	600	18	
8	7340201_03	Thuế	7340201	Ngành Tài chính - Ngân hàng	100, 201, 202, 301, 402, 411	--	--	--	--	--	--	30	16	49	40	600	17	
9	7340301	Kế toán doanh nghiệp	7340301	Ngành Kế toán	100, 201, 202, 301, 402, 411	60	52	48	40	550	17	60	54	49	40	600	18	
10	7380107	Luật kinh tế	7380107	Ngành Luật kinh tế	100, 201, 202, 301, 402, 411	30	29	48	40	550	17	30	30	49	42	600	20.50	
11	7480107	Robot và Trí tuệ nhân tạo (hệ kỹ sư)	7480107	Ngành Trí tuệ nhân tạo	100, 201, 202, 301, 402, 411	30	8	48	40	550	17	30	11	49	40	550	17	
12	7480201	Công nghệ và đổi mới sáng tạo	7480201	Ngành Công nghệ thông tin	100, 201, 202, 301, 402, 411	30	10	48	40	550	17	30	21	49	40	550	17	

Stt	Mã xét tuyển 2024	Tên chương trình, ngành xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Phương thức xét tuyển	Năm 2023						Năm 2024						Ghi chú
						Chi tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/thang điểm xét				Chi tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/thang điểm xét				
								201	202	402	100			201	202	402	100	
13	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	100, 201, 202, 301, 402, 411	50	49	48	40	600	17	50	48	49	48	650	21.50	
14	7620114	Kinh doanh nông nghiệp	7620114	Ngành Kinh doanh nông nghiệp	100, 201, 202, 301, 402, 411	30	9	48	40	550	17	30	14	49	40	600	17	
15	7810201	Quản trị khách sạn	7810201	Ngành Quản trị khách sạn	100, 201, 202, 301, 402, 411	30	10	48	40	550	17	30	21	49	40	550	18	
		Cộng:				600	466					600	544					

Phụ lục III: Tuyển sinh đào tạo đại học chính quy đối tượng tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên

Phụ lục IV: Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học

Đường link công khai tuyển sinh đào tạo vừa học vừa làm trên Cổng tuyển sinh của UEH: <https://tuyensinh.ueh.edu.vn/>

PHỤ LỤC I
BẢNG QUY ĐỔI CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH QUỐC TẾ

IELTS (Academic)	TOEFL iBT
7.0 (+)	96 (+)
6.5	85 - 95
6.0	73 - 84

PHỤ LỤC II
DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG THPT CHUYÊN, NĂNG KHIẾU

STT	Mã tỉnh Mã THPT	Tên Trường	Tỉnh/Thành phố	Quận/Huyện/Thị xã	Ghi chú
1	01009	THPT chuyên Đại học Sư phạm	Hà Nội	Quận Cầu Giấy	
2	01010	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	Hà Nội	Quận Cầu Giấy	
3	01013	THPT chuyên Ngoại ngữ	Hà Nội	Quận Cầu Giấy	
4	01011	THPT chuyên Khoa học tự nhiên	Hà Nội	Quận Thanh Xuân	
5	01129	THPT chuyên Khoa học Xã hội và Nhân văn	Hà Nội	Quận Thanh Xuân	
6	01012	THPT chuyên Nguyễn Huệ	Hà Nội	Quận Hà Đông	
7	02004	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	TP. Hồ Chí Minh	Quận 1	
8	02016	THPT chuyên Lê Hồng Phong	TP. Hồ Chí Minh	Quận 5	
9	02019	Trường Phổ thông Năng khiếu, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Quận 5	
10	03013	THPT Chuyên Trần Phú	Hải Phòng	Quận Hải An	
11	04005	THPT chuyên Lê Quý Đôn	Đà Nẵng	Quận Sơn Trà	
12	05012	THPT Chuyên Hà Giang	Hà Giang	Thành phố Hà Giang	
13	06004	THPT Chuyên Cao Bằng	Cao Bằng	Thành phố Cao Bằng	
14	07001	THPT chuyên Lê Quý Đôn	Lai Châu	Thành Phố Lai Châu	
15	08018	THPT Chuyên tỉnh Lào Cai	Lào Cai	Thành phố Lào Cai	Mã THPT trước 04/6/2021
	08092	THPT Chuyên tỉnh Lào Cai	Lào Cai	Thành phố Lào Cai	Mã THPT từ 04/6/2021
16	09009	THPT Chuyên tỉnh Tuyên Quang	Tuyên Quang	Thành phố Tuyên Quang	
17	10002	THPT Chuyên Chu Văn An	Lạng Sơn	Thành phố Lạng Sơn	
18	11019	THPT Chuyên Bắc Kạn	Bắc Kạn	Thành phố Bắc Kạn	
19	12010	THPT Chuyên Thái Nguyên	Thái Nguyên	Thành phố Thái Nguyên	
20	13001	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành	Yên Bái	Thành phố Yên Bái	Mã THPT trước 04/6/2021
	13057	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành	Yên Bái	Thành phố Yên Bái	Mã THPT từ 04/6/2021
21	14004	THPT Chuyên Sơn La	Sơn La	Thành phố Sơn La	

STT	Mã tỉnh Mã THPT	Tên Trường	Tỉnh/Thành phố	Quận/Huyện/Thị xã	Ghi chú
22	15001	THPT Chuyên Hùng Vương	Phú Thọ	Thành phố Việt Trì	
23	16012	THPT Chuyên Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	Thành phố Vĩnh Yên	
24	17001	THPT Chuyên Hạ Long	Quảng Ninh	Thành phố Hạ Long	Mã THPT trước 04/6/2021
	17131	THPT Chuyên Hạ Long	Quảng Ninh	Thành phố Hạ Long	Mã THPT từ 04/6/2021
25	18012	THPT Chuyên Bắc Giang	Bắc Giang	Thành phố Bắc Giang	
26	19009	THPT Chuyên Bắc Ninh	Bắc Ninh	Thành phố Bắc Ninh	
27	21013	THPT Chuyên Nguyễn Trãi	Hải Dương	Thành phố Hải Dương	
28	22011	THPT Chuyên Hưng Yên	Hưng Yên	Thành phố Hưng Yên	
29	23012	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ	Hoà Bình	Thành phố Hòa Bình	
30	24011	THPT Chuyên Biên Hòa	Hà Nam	Thành phố Phủ Lý	
31	25002	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Nam Định	Thành phố Nam Định	
32	26002	THPT Chuyên Thái Bình	Thái Bình	Thành phố Thái Bình	
33	27010	THPT Chuyên Lương Văn Tụy	Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình	Mã THPT từ 05/09/2020 đến 04/6/2021
	27011	THPT Chuyên Lương Văn Tụy	Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình	Mã THPT trước 05/09/2020
	27111	THPT Chuyên Lương Văn Tụy	Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình	Mã THPT từ 04/6/2021
34	28010	THPT Chuyên Lam Sơn	Thanh Hoá	Thành phố Thanh Hóa	
35	29006	THPT Chuyên Phan Bội Châu	Nghệ An	Thành phố Vinh	
36	29007	THPT Chuyên - Đại học Vinh	Nghệ An	Thành phố Vinh	
37	30040	THPT Chuyên Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	Thành phố Hà Tĩnh	
38	31004	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp	Quảng Bình	Thành phố Đồng Hới	
	31620	THPT Chuyên Quảng Bình	Quảng Bình	Thành phố Đồng Hới	
39	32024	THPT chuyên Lê Quý Đôn	Quảng Trị	Thành phố Đông Hà	
40	33001	THPT Chuyên Quốc Học-Huế	Thừa Thiên -Huế	Thành phố Huế	
41	33010	THPT chuyên Đại học Khoa học, Đại học Huế	Thừa Thiên -Huế	Thành phố Huế	Mã THPT trước 31/5/2022
	33090	THPT Chuyên Khoa học Huế	Thừa Thiên -Huế	Thành phố Huế	Mã THPT từ 31/5/2020

STT	Mã tỉnh Mã THPT	Tên Trường	Tỉnh/Thành phố	Quận/Huyện/Thị xã	Ghi chú
42	34007	THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm	Quảng Nam	Thành phố Tam Kỳ	
43	34010	THPT chuyên Lê Thánh Tông	Quảng Nam	Thành phố Hội An	
44	35013	THPT chuyên Lê Khiết	Quảng Ngãi	Thành phố Quảng Ngãi	
45	36003	THPT chuyên Nguyễn Tất Thành	Kon Tum	Thành phố Kon Tum	
46	37003	THPT chuyên Lê Quý Đôn	Bình Định	Thành phố Quy Nhơn	
47	37081	THPT chuyên Chu Văn An	Bình Định	Thị xã Hoài Nhơn	Mã THPT trước 6/2020
	37091	THPT chuyên Chu Văn An	Bình Định	Thị xã Hoài Nhơn	Mã THPT từ 6/2020
48	38005	Trường THPT Chuyên Hùng Vương	Gia Lai	Thành phố Pleiku	Mã THPT Trước 04/6/2021
	38105	Trường THPT Chuyên Hùng Vương	Gia Lai	Thành phố Pleiku	Mã THPT Từ 04/6/2021
49	39005	THPT Chuyên Lương Văn Chánh	Phú Yên	Thành phố Tuy Hòa	Mã THPT Trước 25/01/2017
	39070	THPT Chuyên Lương Văn Chánh	Phú Yên	Thành phố Tuy Hòa	Mã THPT Từ 25/01/2017
50	40024	THPT Chuyên Nguyễn Du	Đắk Lắk	Thành phố Buôn Ma Thuột	Mã THPT Trước 04/6/2021
	40095	THPT Chuyên Nguyễn Du	Đắk Lắk	Thành phố Buôn Ma Thuột	Mã THPT Từ 04/6/2021
51	41017	THPT chuyên Lê Quý Đôn	Khánh Hoà	Thành phố Nha Trang	
52	42008	THPT Chuyên Thăng Long	Lâm Đồng	Thành phố Đà Lạt	Mã THPT Trước 04/6/2021
	42172	THPT Chuyên Thăng Long	Lâm Đồng	Thành phố Đà Lạt	Mã THPT Từ 04/6/2021
53	42093	THPT Chuyên Bảo Lộc	Lâm Đồng	Thành phố Bảo Lộc	Mã THPT Trước 04/6/2021
	42184	THPT Chuyên Bảo Lộc	Lâm Đồng	Thành phố Bảo Lộc	Mã THPT Từ 04/6/2021
54	43003	THPT Chuyên Quang Trung	Bình Phước	Thành phố Đồng Xoài	Mã THPT Trước 04/6/2021
	43048	THPT Chuyên Quang Trung	Bình Phước	Thành phố Đồng Xoài	Mã THPT từ 04/6/2021
55	43042	THPT chuyên Bình Long	Bình Phước	Thị xã Bình Long	

STT	Mã tỉnh Mã THPT	Tên Trường	Tỉnh/Thành phố	Quận/Huyện/Thị xã	Ghi chú
56	44002	THPT chuyên Hùng Vương	Bình Dương	Thành phố Thủ Dầu Một	
57	45017	THPT chuyên Lê Quý Đôn	Ninh Thuận	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm	
58	46003	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	Tây Ninh	Thành phố Tây Ninh	
59	47013	THPT Chuyên Trần Hưng Đạo	Bình Thuận	Thành phố Phan Thiết	
60	48001	THPT Chuyên Lương Thế Vinh	Đồng Nai	Thành phố Biên Hòa	
61	49060	THPT chuyên Long An	Long An	Thành phố Tân An	
62	49072	THPT Năng khiếu Đại học Tân Tạo	Long An	Huyện Đức Hòa	
63	50016	THPT chuyên Nguyễn Đình Chiểu	Đồng Tháp	Thành phố Sa Đéc	
64	50023	THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu	Đồng Tháp	Thành phố Cao Lãnh	
65	51002	THPT Chuyên Thoại Ngọc Hầu	An Giang	Thành phố Long Xuyên	
66	51008	THPT Chuyên Thủ Khoa Nghĩa	An Giang	Thành phố Châu Đốc	
67	52004	THPT Chuyên Lê Quý Đôn	Bà Rịa-Vũng Tàu	Thành phố Vũng Tàu	
68	53016	THPT Chuyên Tiền Giang	Tiền Giang	Thành phố Mỹ Tho	
69	54002	THPT chuyên Huỳnh Mãn Đạt	Kiên Giang	Thành phố Rạch Giá	
70	55013	THPT Chuyên Lý Tự Trọng	Cần Thơ	Quận Cái Răng	
71	56030	THPT Chuyên Bến Tre	Bến Tre	Thành phố Bến Tre	
72	57015	THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm	Vĩnh Long	Thành phố Vĩnh Long	
73	58012	THPT Chuyên Nguyễn Thiện Thành	Trà Vinh	Thành phố Trà Vinh	
	58054	THPT Chuyên Trà Vinh	Trà Vinh	Thành phố Trà Vinh	Mã THPT Trước 26/4/2021
74	59003	THPT Chuyên Nguyễn Thị Minh Khai	Sóc Trăng	Thành phố Sóc Trăng	
75	60009	THPT Chuyên Bạc Liêu	Bạc Liêu	Thành phố Bạc Liêu	
76	61016	THPT Chuyên Phan Ngọc Hiển	Cà Mau	Thành phố Cà Mau	
77	62002	THPT Chuyên Lê Quý Đôn	Điện Biên	Thành phố Điện Biên Phủ	Mã THPT Trước 04/6/2021
	62065	THPT Chuyên Lê Quý Đôn	Điện Biên	Thành phố Điện Biên Phủ	Mã THPT Từ 04/6/2021
78	63037	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh	Đắk Nông	Thành phố Gia Nghĩa	Mã THPT trước 06/2021

STT	Mã tỉnh Mã THPT	Tên Trường	Tỉnh/Thành phố	Quận/Huyện/Thị xã	Ghi chú
	63104	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh	Đắk Nông	Thành phố Gia Nghĩa	Mã THPT từ 06/2021
79	64039	THPT Chuyên Vị Thanh	Hậu Giang	Thành phố Vị Thanh	Mã THPT Trước 04/6/2021
	64539	THPT Chuyên Vị Thanh	Hậu Giang	Thành phố Vị Thanh	Mã THPT Từ 04/6/2021

PHỤ LỤC III

Tuyển sinh đào tạo đại học chính quy đối tượng tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên

I. Liên thông Cao đẳng - Đại học hình thức đào tạo chính quy

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển, phạm vi tuyển sinh

1.1 Đối tượng tuyển sinh:

- a. Điều kiện về văn bằng
 - Người đã tốt nghiệp các trình độ đào tạo của giáo dục nghề nghiệp được dự tuyển và học liên thông trình độ đại học theo quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và quy chế của cơ sở đào tạo.
 - Bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng do các cơ sở đào tạo trong nước cấp.
 - Bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng do các cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
 - Hình thức đào tạo: chính quy.
- b. Có đủ sức khỏe để học tập.
- c. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Hội đồng tuyển sinh.

1.2 Phạm vi tuyển sinh:

- UEH Mekong tuyển sinh trong cả nước.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển...)

- Phương thức thi tuyển hoặc xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển với xét tuyển do Giám đốc UEH quyết định theo quy định hiện hành về tuyển sinh đại học của Bộ GDĐT.

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

- Ngưỡng đầu vào, Điểm trúng tuyển: Theo thông báo tuyển sinh cụ thể từng đợt tại Cổng tuyển sinh: <https://tuyensinh.ueh.edu.vn/>.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu chính quy (dự kiến)	Số QĐ mở ngành (Gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành QĐ	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc Trường tự chủ QĐ	Năm bắt đầu đào tạo
1.	LTĐH	7340101	Quản trị kinh doanh	30	1594/QĐ-ĐHKT-ĐBCL	12/05/2014	UEH	2024
2.	LTĐH	7340301	Kế toán	30	1594/QĐ-ĐHKT-ĐBCL	12/05/2014	UEH	2024
Tổng:				60				

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

a. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển:

Trong trường hợp nhiều thí sinh cùng điểm xét tuyển ở cuối danh sách và vượt chỉ tiêu tuyển sinh, UEH sử dụng tiêu chí phụ để xét tuyển như sau: Điểm trung bình học phần tiếng Anh trong khóa học bậc Cao đẳng.

b. Điểm cộng:

Điểm ưu tiên Khu vực, Đối tượng căn cứ theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non hiện hành.

c. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo:

UEH tổ chức tuyển sinh theo ngành, chương trình đào tạo. Do đó, thí sinh chọn ngành học, chương trình đào tạo ngay khi đăng ký xét tuyển học tại UEH Mekong.

6. Tổ chức tuyển sinh

a. Hồ sơ dự tuyển gồm có:

- Hồ sơ sinh viên (theo mẫu của UEH);
- Phiếu đăng ký học Liên thông ĐHCQ;
- 02 (hai) Bản sao bằng tốt nghiệp Cao đẳng hệ chính quy;
- 01 (một) Bản sao kết quả học tập, ghi rõ tên môn học, số tín chỉ, điểm từng môn. Trường hợp tốt nghiệp Cao đẳng chính quy theo hình thức liên thông, thí sinh cần bổ sung thêm bản sao bằng tốt nghiệp và bản sao kết quả học tập bậc trung cấp;
- 01 (một) Bản sao giấy khai sinh (hoặc CCCD có đầy đủ ngày tháng năm sinh);
- 01 (một) ảnh 3x4cm chụp theo kiểu CCCD (ghi rõ họ tên phía sau ảnh).

b. Hình thức nhận hồ sơ ĐKXT:

- Theo thông báo tuyển sinh cụ thể từng đợt tại Cổng tuyển sinh: <https://tuyensinh.ueh.edu.vn/>

7. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển:

UEH thực hiện chính sách xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển căn cứ theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non hiện hành.

8. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển

- Lệ phí xét tuyển: 200.000 đồng/hồ sơ.

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh

- UEH Mekong thực hiện các cam kết đối với thí sinh; tư vấn, hỗ trợ và giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành):

- UEH Mekong dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm vào các tháng 3, 6, 9, 12
- Học phí dự kiến; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có): Học kỳ đầu năm 2025 là 575.000 đồng/tín chỉ.
- Lộ trình tăng học phí mỗi năm (tăng không quá 10%/năm).

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển *	Mã ngành, nhóm ngành *	Phương thức tuyển sinh	Năm tuyển sinh 2023			Năm tuyển sinh 2024		
					Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	500	30	0		10	01	5
2	7340301	Kế toán	7340301	500	30	0		17	02	5
		Cộng			60			27	03	

II. Liên thông Đại học - Đại học hình thức đào tạo chính quy

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển, phạm vi tuyển sinh

1.1 Đối tượng tuyển sinh

- Người đã tốt nghiệp đại học được dự tuyển và học liên thông để nhận thêm một bằng tốt nghiệp đại học của một ngành đào tạo khác.

- Người dự tuyển Liên thông Đại học - Đại học hình thức đào tạo chính quy đã có bằng tốt nghiệp Đại học (hình thức đào tạo chính quy). Trường hợp văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam hoặc cơ sở giáo dục hoạt động hợp pháp ở nước ngoài cấp: Văn bằng phải được công nhận theo quy định của Bộ GDĐT.

1.2 Phạm vi tuyển sinh

- UEH tuyển sinh trong cả nước.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh

- Xét tuyển dựa vào kết quả học tập văn bằng đại học thứ 1 (hoặc thi tuyển hoặc xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển với xét tuyển do Giám đốc UEH quyết định theo quy định hiện hành về tuyển sinh đại học của Bộ GDĐT).

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

- Ngưỡng đầu vào, Điểm trúng tuyển: Theo thông báo tuyển sinh cụ thể từng đợt tại Cổng tuyển sinh: <https://tuyensinh.ueh.edu.vn/>

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Trình độ đào tạo (VB2)	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu chính quy (dự kiến)	Số QĐ đào tạo bằng TN đại học thứ 2	Ngày tháng năm ban hành QĐ	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc Trường tự chủ QĐ	Năm bắt đầu đào tạo
1	Đại học	7340301	Kế toán	20	1594/QĐ-ĐHKT-ĐBCL	12/05/2014	UEH	2023
2	Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh	20	1594/QĐ-ĐHKT-ĐBCL	12/05/2014	UEH	2023
Tổng:				40				

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

a. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển:

Trong trường hợp nhiều thí sinh cùng điểm xét tuyển ở cuối danh sách và vượt chỉ tiêu tuyển sinh, UEH sử dụng tiêu chí phụ để xét tuyển như sau: Điểm trung bình học phần tiếng Anh trong khóa học bậc Đại học.

b. Điểm cộng:

Điểm ưu tiên Khu vực, Đối tượng căn cứ theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non hiện hành.

c. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo:

UEH tổ chức tuyển sinh theo ngành, chương trình đào tạo. Do đó, thí sinh chọn ngành học, chương trình đào tạo ngay khi đăng ký xét tuyển học tại UEH Mekong.

6. Tổ chức tuyển sinh

a. Hồ sơ dự tuyển gồm có:

- Hồ sơ sinh viên;
- Phiếu đăng ký học Liên thông Đại học - Đại học;
- 02 (hai) Bản sao (photo công chứng) bằng tốt nghiệp Đại học hệ chính quy;
- 01 (một) Bản sao (photo công chứng) kết quả học tập, ghi rõ tên môn học, số tín chỉ, điểm từng môn. Trường hợp tốt nghiệp ĐHCQ theo hình thức liên thông, thí sinh cần bổ sung thêm bản sao bằng tốt nghiệp và bản sao kết quả học tập bậc cao đẳng;
- 01 (một) Bản sao (photo công chứng) giấy khai sinh (hoặc CCCD có đầy đủ ngày tháng năm sinh);
- 01 (một) ảnh 3x4cm chụp theo kiểu CCCD (ghi rõ họ tên phía sau ảnh).

b. Hình thức nhận hồ sơ ĐKXT:

- Theo thông báo tuyển sinh từng đợt tại Cổng tuyển sinh: <https://tuyensinh.ueh.edu.vn/>

7. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển:

UEH thực hiện chính sách xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển căn cứ theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non hiện hành.

8. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển

- Lệ phí xét tuyển: 200.000 đồng/hồ sơ

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh

- UEH thực hiện các cam kết đối với thí sinh; tư vấn, hỗ trợ và giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành):

- UEH dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm vào các tháng 3, 6, 9, 12
- Học phí dự kiến; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm: Học kỳ đầu năm 2025 là 575.000 đồng/tín chỉ.
- Lộ trình tăng học phí mỗi năm (tăng không quá 10%/năm).

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm tuyển sinh 2023			Năm tuyển sinh 2024		
					Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	500	20	0		35	0	
2	7340301	Kế toán	7340301	500	20	0		38	0	
		Cộng			40			73	0	

PHỤ LỤC IV

Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học

I. Văn bằng 1 – Vừa làm vừa học

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển, phạm vi tuyển sinh

1.1 Đối tượng tuyển sinh

- Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ GDĐT.

1.2 Phạm vi tuyển sinh

- UEH tuyển sinh trong cả nước.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh

- UEH tuyển sinh theo phương thức xét tuyển:

2.1. Phương thức xét tuyển thẳng:

- Thí sinh thuộc đối tượng xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.2. Phương thức xét tuyển:

2.2.1. Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT

- Đối tượng: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT kể từ năm 2015, có tổng điểm trung bình 03 (ba) môn thi thuộc một trong các tổ hợp xét tuyển đạt mức điểm do Hội đồng tuyển sinh quy định.

- Các tổ hợp xét tuyển: Có 4 tổ hợp xét tuyển, gồm:

Tổ hợp 1: Toán - Vật lý - Hóa học

Tổ hợp 2: Toán - Vật lý - Tiếng Anh

Tổ hợp 3: Toán - Hóa học - Tiếng Anh

Tổ hợp 4: Toán - Ngữ Văn - Tiếng Anh

2.2.2. Xét tuyển theo kết quả học tập bậc trung học (học bạ)

- Đối tượng: Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc bỏ túc THPT có tổng điểm trung bình 3 môn học của cả năm học lớp 12 (hoặc tổng điểm trung bình 3 môn học cho các năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12) thuộc một trong các tổ hợp xét tuyển đạt mức điểm do Hội đồng tuyển sinh quy định.

- Tổ hợp xét tuyển: Như 4 tổ hợp xét tuyển ở mục 2.2.1

- 2.2.3 Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định, xét tuyển theo kết quả các môn kiến thức văn hóa thuộc một trong các tổ hợp tại mục 2.2.1

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

- Ngưỡng đầu vào, Điểm trúng tuyển: Theo thông báo tuyển sinh cụ thể từng đợt tại Cổng tuyển sinh: <https://tuyensinh.ueh.edu.vn/>

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1.	Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh			15	1594/QĐ-ĐHKT-ĐBCL	12/05/2014	UEH	2023
2.	Đại học	7340301	Kế toán			15	1594/QĐ-ĐHKT-ĐBCL	12/05/2014	UEH	2023
3.	Đại học	7340122	Thương mại điện tử			30	515/QĐ-ĐHKT-ĐBCLPTCT	24/06/2021	UEH	2023
Tổng:						60				

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

a. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển:

Trong trường hợp nhiều thí sinh cùng điểm xét tuyển ở cuối danh sách và vượt chỉ tiêu tuyển sinh, UEH sử dụng tiêu chí phụ để xét tuyển như sau: Điểm môn Toán trong các tổ hợp xét tuyển tương ứng từng phương thức.

b. Điểm cộng:

Điểm ưu tiên Khu vực, Đối tượng căn cứ theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non hiện hành.

c. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo:

UEH tổ chức tuyển sinh theo ngành, chương trình đào tạo. Do đó, thí sinh chọn ngành học, chương trình đào tạo ngay khi đăng ký xét tuyển học tại UEH Mekong.

6. Tổ chức tuyển sinh

a. Hồ sơ dự tuyển gồm có:

+ Phiếu tuyển sinh (theo mẫu của UEH);
+ Ba (03) bản sao Bằng tốt nghiệp THPT/Bổ túc THPT hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời còn trong thời hạn quy định; Một (01) bản sao Học bạ THPT/Giấy chứng nhận kết quả học THPT.

+ Thí sinh đã tốt nghiệp Đại học, Cao đẳng/Cao đẳng nghề, Trung cấp/Trung cấp nghề nộp thêm ba (03) bản sao bằng Tốt nghiệp và 01 bản sao bằng điểm bậc Đại học/Cao đẳng/Trung cấp. Trường hợp thí sinh tốt nghiệp Đại học do liên thông từ Cao đẳng/Trung cấp nộp thêm 01 bản sao bằng tốt nghiệp và 01 bằng điểm bậc Cao đẳng/Trung cấp. Trường hợp thí sinh tốt nghiệp Cao đẳng do liên thông từ Trung cấp nộp thêm 01 bản sao bằng Tốt nghiệp và 01 bằng điểm bậc Trung cấp. Đối với các bằng điểm, thí sinh nộp theo một trong các hình thức sau: Bản chính; Hoặc Bản sao do đơn vị cấp chứng thực; Hoặc Bản photo và xuất trình bản chính để bộ phận nhận hồ sơ đối chiếu.

+ 01 bản sao giấy khai sinh/CCCD;

+ 01 Hồ sơ hoàn thành thủ tục nhập học ĐH Vừa làm vừa học dán 01 ảnh 3x4.

b. Hình thức nhận hồ sơ ĐKXT:

- Theo thông báo tuyển sinh từng đợt tại Cổng tuyển sinh: <https://tuyensinh.ueh.edu.vn/>

7. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển:

UEH thực hiện chính sách xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển căn cứ theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non hiện hành học tại UEH Mekong.

8. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển

- Lệ phí xét tuyển: 200.000 đồng/hồ sơ

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh

- UEH thực hiện các cam kết đối với thí sinh; tư vấn, hỗ trợ và giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành):

- UEH dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm vào các tháng 3, 6, 9, 12

- Học phí dự kiến; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm: Học kỳ đầu năm 2025 là 511.000 đồng/tín chỉ.

- Lộ trình tăng học phí mỗi năm (tăng không quá 10%/năm).

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm tuyển sinh 2023			Năm tuyển sinh 2024		
					Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1	7340101	Ngành Quản trị kinh doanh	7340101	500	15	4	12	15	3	12
2	7340301	Ngành Kế toán	7340301	500	15	3	12	15	1	12
3	7340122	Thương mại điện tử	7340122	500				30	0	
		Cộng		30	30	7		60	4	

II. Liên thông từ Trung cấp, Cao đẳng - Đại học hình thức đào tạo Vừa làm Vừa học

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển, phạm vi tuyển sinh

1.1 Đối tượng tuyển sinh:

a. Điều kiện về văn bằng

- Người đã tốt nghiệp các trình độ đào tạo của giáo dục nghề nghiệp được dự tuyển và học liên thông trình độ đại học theo quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và quy chế của cơ sở đào tạo.

- Bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng do các cơ sở đào tạo trong nước cấp.

- Bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng do các cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

b. Có đủ sức khỏe để học tập.

c. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Hội đồng tuyển sinh.

1.2 Phạm vi tuyển sinh:

- UEH tuyển sinh trong cả nước

2. Mô tả phương thức tuyển sinh

- Phương thức thi tuyển hoặc xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển với xét tuyển do Giám đốc UEH quyết định theo quy định hiện hành về tuyển sinh đại học của Bộ GDĐT học tại UEH Mekong.

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

- Ngưỡng đầu vào, Điểm trúng tuyển: Theo thông báo tuyển sinh cụ thể từng đợt tại Cổng tuyển sinh: <https://tuyensinh.ueh.edu.vn/>

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1.	LTTC	7340101	Quản trị kinh doanh			15	1594/QĐ-ĐHKT-ĐBCL	12/05/2014	UEH	2023
2.	LTTC	7340301	Kế toán			15	1594/QĐ-ĐHKT-ĐBCL	12/05/2014	UEH	2023
3.	LTCĐ	7340101	Quản trị kinh doanh			15	1594/QĐ-ĐHKT-ĐBCL	12/05/2014	UEH	2023
4.	LTCĐ	7340301	Kế toán			15	1594/QĐ-ĐHKT-ĐBCL	12/05/2014	UEH	2023
Tổng:						30				

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

a. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển:

Trong trường hợp nhiều thí sinh cùng điểm xét tuyển ở cuối danh sách và vượt chỉ tiêu tuyển sinh, UEH sử dụng tiêu chí phụ để xét tuyển như sau: Điểm trung bình học phần tiếng Anh trong khóa học bậc Cao đẳng.

b. Điểm cộng:

Điểm ưu tiên Khu vực, Đối tượng căn cứ theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non hiện hành.

c. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo:

UEH tổ chức tuyển sinh theo ngành, chương trình đào tạo. Do đó, thí sinh chọn ngành học, chương trình đào tạo ngay khi đăng ký xét tuyển.

6. Tổ chức tuyển sinh

a. Hồ sơ dự tuyển gồm có:

- Hồ sơ sinh viên (theo mẫu của UEH);
- Phiếu đăng ký học Liên thông ĐHVLVH;
- 02 (hai) Bản sao bằng tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng;
- 01 (một) Bản sao kết quả học tập, ghi rõ tên môn học, số tín chỉ, điểm từng môn. Trường hợp tốt nghiệp Cao đẳng theo hình thức liên thông, thí sinh cần bổ sung thêm bản sao bằng tốt nghiệp và bản sao kết quả học tập bậc trung cấp;
- 01 (một) Bản sao giấy khai sinh (hoặc CCCD có đầy đủ ngày tháng năm sinh);
- 01 (một) ảnh 3x4cm chụp theo kiểu CCCD (ghi rõ họ tên phía sau ảnh).

b. Hình thức nhận hồ sơ ĐKXT:

- Theo thông báo tuyển sinh cụ thể từng đợt tại Công tuyển sinh:
<https://tuyensinh.ueh.edu.vn/>

7. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển:

UEH thực hiện chính sách xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển căn cứ theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non hiện hành học tại UEH Mekong.

8. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển

- Lệ phí xét tuyển: 200.000 đồng/hồ sơ

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh

- UEH thực hiện các cam kết đối với thí sinh; tư vấn, hỗ trợ và giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành):

- UEH dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm vào các tháng 3, 6, 9, 12
- Học phí dự kiến; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm: Học kỳ đầu năm 2025 là 511.000 đồng/tín chỉ.
- Lộ trình tăng học phí mỗi năm (tăng không quá 10%/năm).

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm tuyển sinh 2023			Năm tuyển sinh 2024		
					Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1	7340101_LTTC	Quản trị kinh doanh	7340101	500	15	1	12	15	1	12
2	7340301_LTTC	Kế toán	7340301	500	15	5	12	15	3	12
3	7340101_LTCĐ	Quản trị kinh doanh	7340101	500	15	1	5	15	4	5
4	7340301_LTCĐ	Kế toán	7340301	500	15	6	5	15	13	5
		Cộng			60	13		60	21	

III. Liên thông Đại học - Đại học hình thức đào tạo Vừa làm Vừa học

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển, phạm vi tuyển sinh

1.1 Đối tượng tuyển sinh

- Người đã tốt nghiệp đại học được dự tuyển và học liên thông để nhận thêm một bằng tốt nghiệp đại học của một ngành đào tạo khác.

- Người dự tuyển Liên thông Đại học - Đại học hình thức đào tạo Vừa làm vừa học đã có bằng tốt nghiệp Đại học. Trường hợp văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam hoặc cơ sở giáo dục hoạt động hợp pháp ở nước ngoài cấp: Văn bằng phải được công nhận theo quy định của Bộ GDĐT.

1.2 Phạm vi tuyển sinh

- UEH tuyển sinh trong cả nước.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh

- Xét tuyển dựa vào kết quả học tập văn bằng đại học thứ 1 (hoặc thi tuyển hoặc xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển với xét tuyển do Giám đốc UEH quyết định theo quy định hiện hành về tuyển sinh đại học của Bộ GDĐT).

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

- Ngưỡng đầu vào, Điểm trúng tuyển: Theo thông báo tuyển sinh cụ thể từng đợt tại Công tuyển sinh: <https://tuyensinh.ueh.edu.vn/>

4. Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2025

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1.	Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh			15	1594/QĐ-ĐHKT-ĐBCL	12/05/2014	UEH	2023
2.	Đại học	7340301	Kế toán			15	1594/QĐ-ĐHKT-ĐBCL	12/05/2014	UEH	2023
Tổng:						30				

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

a. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển:

Trong trường hợp nhiều thí sinh cùng điểm xét tuyển ở cuối danh sách và vượt chỉ tiêu tuyển sinh, UEH sử dụng tiêu chí phụ để xét tuyển như sau: Điểm trung bình học phần tiếng Anh trong khóa học bậc Đại học.

b. Điểm cộng:

Điểm ưu tiên Khu vực, Đối tượng căn cứ theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non hiện hành.

c. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo:

UEH tổ chức tuyển sinh theo ngành, chương trình đào tạo. Do đó, thí sinh chọn ngành học, chương trình đào tạo ngay khi đăng ký xét tuyển.

6. Tổ chức tuyển sinh

a. Hồ sơ dự tuyển gồm có:

- Hồ sơ sinh viên;
- Phiếu đăng ký học Liên thông Đại học - Đại học;
- 02 (hai) Bản sao (photo công chứng) bằng tốt nghiệp Đại học;
- 01 (một) Bản sao (photo công chứng) kết quả học tập, ghi rõ tên môn học, số tín chỉ, điểm từng môn. Trường hợp tốt nghiệp Đại học theo hình thức liên thông, thí sinh cần bổ sung thêm bản sao bằng tốt nghiệp và bản sao kết quả học tập bậc cao đẳng;
- 01 (một) Bản sao (photo công chứng) giấy khai sinh (hoặc CCCD có đầy đủ ngày tháng năm sinh);
- 01 (một) ảnh 3x4cm chụp theo kiểu CCCD (ghi rõ họ tên phía sau ảnh).

b. Hình thức nhận hồ sơ ĐKXT:

- Theo thông báo tuyển sinh từng đợt tại Cổng tuyển sinh: <https://tuyensinh.ueh.edu.vn/>

7. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển:

UEH thực hiện chính sách xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển căn cứ theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non hiện hành.

8. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển

- Lệ phí xét tuyển: 200.000 đồng/hồ sơ

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh

- UEH thực hiện các cam kết đối với thí sinh; tư vấn, hỗ trợ và giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành):

- UEH dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm vào các tháng 3, 6, 9, 12
- Học phí dự kiến; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm: Học kỳ đầu năm 2025 là 511.000 đồng/tín chỉ.
- Lộ trình tăng học phí mỗi năm (tăng không quá 10%/năm).

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm tuyển sinh 2023			Năm tuyển sinh 2024		
					Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	500	15	1	5	15	4	5
2	7340301	Kế toán	7340301	500	15	6	5	15	13	5
		Cộng			30	7		30	17	